PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 638/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2015, định hướng đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Giao thông vận tải tại văn bản số 597/BGTVT-KHĐT ngày 28 tháng 01 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm:

- Đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông của vùng đồng bằng sông Cửu Long phải đi trước một bước, trên cơ sở làm tốt công tác quy hoạch, hình thành được một hệ thống giao thông đồng bộ, liên hoàn và kết hợp được các hình thức vận tải, đáp ứng yêu cầu và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội của cả vùng, hội nhập mạnh hơn với cả nước, với khu vực và quốc tế.

- Huy động mọi nguồn lực từ ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương), các nguồn vốn trong dân và các nguồn vốn hợp pháp khác trong nước và ngoài nước để đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông của vùng.

- Kết hợp chặt chẽ đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông với thủy lợi, kiểm soát lũ và xây dựng cụm, tuyến dân cư vùng ngập lũ.

- Để thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu mà trực tiếp là mực nước biển dâng, các Bộ, ngành và các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ từng bước đầu tư hệ thống đường ven biển đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2010 trong đó có xem xét lồng ghép kết hợp đường ven biển và đê biển.

- Các địa phương chủ động đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông vận tải theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước; chủ động bố trí quỹ đất để xây dựng các khu tái định cư; kiện toàn tổ chức, các đơn vị tham gia công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án.

2. Mục tiêu giai đoạn đến năm 2020:

Tập trung nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn đến năm 2010 tại Quyết định số 344/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh đầu tư các dự án mới trong khu vực để đảm bảo theo các Quy hoạch ngành đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn; gắn kết mạng giao thông vận tải địa phương với mạng giao thông quốc gia để tạo sự liên hoàn, thông suốt và chi phí vận tải hợp lý, phù hợp với đa số người dân.

a) Đường bộ:

- Hoàn thành 5 tuyến trục dọc chính gồm: quốc lộ 1A, tuyến N1, tuyến N2, tuyến ven biển (quốc lộ 50, quốc lộ 60) và tuyến đường bộ cao tốc Hồ Chí Minh - Cần Thơ.

- Hoàn thành việc đầu tư nâng cấp các tuyến trục ngang gồm các quốc lộ: 30, 53, 54, 57, 61, 62, 63, 80, 91 đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 2 làn xe; riêng tuyến N1 đạt tiêu chuẩn cấp IV, quy mô 2 làn xe.

- Hoàn thành xây dựng các cầu lớn gồm: cầu Vàm Cống, cầu Cao Lãnh, cầu Cổ Chiên, cầu Năm Căn và từng bước nâng cấp các cầu yếu trên các tuyến quốc lộ.

- Có 100% đường đến trung tâm xã, cụm xã; tỷ lệ cứng hóa mặt đường đạt 100%; xóa bỏ cầu khỉ; tiếp tục đầu tư một số công trình quan trọng, cấp bách phục vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương.

b) Đường thủy nội địa:

- Tiếp tục nâng cấp các tuyến vận tải thủy hiện có để đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Đẩy mạnh vận tải đa phương thức trong đó tập trung khai thác triệt để thế mạnh vận tải thủy.

c) Đường biển:

- Đầu tư xây dựng cảng cho tàu biển lớn khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống cảng và luồng tàu một cách đồng bộ, đáp ứng nhu cầu vận tải của Vùng.

d) Hàng không:

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp để nâng cao năng lực và chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng hành khách, đưa cảng hàng không Phú Quốc mới vào khai thác sử dụng.

- Nâng cấp và kéo dài đường băng sân bay Cà Mau.

đ) Đường sắt:

Tiến hành nghiên cứu và tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh đi Mỹ Tho, Cần Thơ vào thời điểm thích hợp.

3. Kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải giai đoạn 2011 - 2015:

a) Tiếp tục hoàn thành các dự án kết cấu hạ tầng giao thông đã có trong kế hoạch 2005 - 2010 theo Quyết định số 344/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ, gồm:

- Đường bộ:

+ Hoàn thành đầu tư xây dựng và cải tạo nâng cấp các dự án: quốc lộ 91 đoạn Châu Đốc - Tịnh Biên, tuyến N1 đoạn Bình Hiệp - Mỏ Vẹt trên địa phận tỉnh Long An và toàn bộ dự án tuyến N1 từ Đức Huệ - Châu Đốc; quốc lộ 50 đoạn Mỹ Lợi - Gò Công, đoạn Gò Công - Mỹ Tho và cầu Mỹ Lợi; các dự án thành phần thuộc dự án đường Nam Sông Hậu; nâng cấp quốc lộ 61 đoạn Cái Tư - Gò Quao; nâng cấp quốc lộ 63 đoạn qua tỉnh Cà Mau và Kiên Giang; quốc lộ 53, quốc lộ 54, quốc lộ 91 đoạn Cái Sắn - Long Xuyên; quốc lộ 53 từ Km 67 - Km 114 và Km 139 - Km 168; quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự; quốc lộ 57 đoạn Cầu Ván - Khâu Băng; đường Hồ Chí Minh đoạn Năm Căn - Đất Mũi và cầu Đầm Cùng.

+ Hoàn thành tuyến cao tốc đoạn Trung Lương - Mỹ Thuận (theo hình thức Hợp đồng BOT) và hoàn thiện dự án đoạn Mỹ Thuận - Cần Thơ để kêu gọi nguồn vốn đầu tư.

+ Hoàn thành dự án đường Hành lang ven biển phía Nam (từ cửa khẩu Xà Xía đến Cà Mau) bằng nguồn vốn vay của ADB và EDCF.

+ Đầu tư xây dựng cầu Cao Lãnh, cầu Vàm Cống và tuyến tránh Long Xuyên bằng nguồn vốn vay của AusAID, ABD, EDCF và vốn đối ứng từ ngân sách nhà nước.

- Đường thủy nội địa:

+ Đầu tư xây dựng tuyến vận tải thủy Cà Mau - Năm Căn, tuyến Kiên Lương - Hà Tiên, tuyến Bạc Liêu - Cà Mau (giai đoạn I) và 6 bến xếp dỡ.

+ Hoàn thành dự án nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo; dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long bằng nguồn vốn WB5.

- Đường biển:

+ Hoàn thành đầu tư dự án luồng Kênh Quan Chánh Bố; nâng cấp luồng sông Cửa Lớn.

+ Nghiên cứu đầu tư xây dựng cảng biển có thể tiếp nhận các tàu có trọng tải 30.000 - 50.000 DWT cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

- Hàng không:

Sớm hoàn thành cảng hàng không quốc tế Phú Quốc mới (giai đoạn I) để đưa vào khai thác sử dụng, đảm bảo tiếp nhận loại máy bay B777, B747.

b) Đầu tư một số dự án trọng điểm có ý nghĩa quan trọng do Trung ương quản lý, gồm:

- Đường bộ:

+ Đầu tư xây dựng một số dự án trọng điểm tạo động lực phát triển vùng: tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi; tuyến nối 2 cầu Cao Lãnh - Vàm Cống; mở rộng quốc lộ 1A đoạn Cần Thơ - Phụng Hiệp và tuyến tránh quốc lộ 1A qua thành phố Cà Mau; cầu Nhị Kiều (thành phố Cần Thơ); tuyến tránh Mỏ Cày; đường Hồ Chí Minh: đoạn Gò Quao - Vĩnh Thuận, cầu Năm Căn; xây dựng cầu Cổ Chiên.

+ Đầu tư xây dựng đường Hành lang ven biển phía Nam đoạn từ Khu Khí Điện Đạm (tỉnh Cà Mau) đến quốc lộ 1A bằng vốn Trái phiếu Chính phủ.

+ Đầu tư xây dựng cầu Long Bình.

+ Từng bước đầu tư hệ thống đường bộ ven biển đối với các đoạn thuộc trách nhiệm quản lý đầu tư của Trung ương.

- Đường thủy nội địa:

Nâng cấp các tuyến vận tải thủy sông Hàm Luông, Cà Mau - Rạch Giá. Mương Khai - Đốc Phủ Hiền (kết nối thẳng sông Tiền qua sông Hậu khu vực Đồng Tháp - Cần Thơ). Bỏ phần này vì đây là tuyến của địa phương quản lý

- Hàng không:

Nâng cấp một số hạng mục các cảng hàng không Rạch Giá, Cà Mau, Phú Quốc.

c) Đầu tư một số dự án có ý nghĩa quan trọng do địa phương quản lý

Các địa phương chủ động trong việc lập dự án cho các dự án quan trọng, cấp bách; cân đối ngân sách và huy động mọi nguồn lực hợp pháp để đầu tư. Trung ương sẽ xem xét hỗ trợ đầu tư xây dựng một số dự án của các địa phương có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của khu vực (danh mục dự án như phụ lục kèm theo).

4. Một số cơ chế, chính sách:

- Về cơ chế hỗ trợ đầu tư hệ thống đường bộ ven biển được thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước, với nhiều hình thức đầu tư khác nhau (BOT, BT, BO, PPP,... bán quyền thu phí) để có thể thực hiện đầu tư các dự án theo kế hoạch và đáp ứng nhu cầu vận tải của khu vực; cân đối bố trí ngân sách nhà nước hàng năm cho Bộ Giao thông vận tải đáp ứng đủ vốn đối ứng các dự án ODA, hoàn thành các dự án chuyển tiếp trong nước sớm đưa vào khai thác phát huy hiệu quả đầu tư và vốn ngân sách nhà nước góp cho các dự án BOT, PPP,... đã có cam kết với nhà đầu tư.

- Tiếp tục đầu tư một số công trình quan trọng cấp bách bằng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ trong giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải:

- Triển khai phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch phát triển giao thông vận tải vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định này và tổ chức thực hiện đối với các dự án do Trung ương quản lý.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp trong việc rà soát lại hệ thống đê sông, đê biển, tuyến đường giao thông ven biển với mục tiêu tận dụng tối đa khả năng tuyến đê kết hợp làm đường giao thông, cầu qua sông kết hợp với cống ngăn nước, đặc biệt là việc kết hợp giữa tuyến đường giao thông ven biển với hệ thống đê biển.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xem xét, bố trí đủ nguồn vốn cho Bộ Giao thông vận tải để thực hiện các dự án theo Quyết định này; cân đối nguồn vốn để hỗ trợ cho các địa phương thực hiện một số dự án quan trọng mà ngân sách các địa phương không thể cân đối được.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Trên cơ sở danh mục các dự án do địa phương quản lý được nêu tại Quyết định này, sắp xếp thứ tự ưu tiên, chủ động cân đối ngân sách, huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai thực hiện phù hợp với khả năng nguồn lực và quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đối với các dự án cấp bách, trong trường hợp không cân đối được bằng ngân sách địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ một phần từ ngân sách trung ương; phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong quá trình triển khai dự án đầu tư trên địa bàn đảm bảo chất lượng và tiến độ; tích cực huy động mọi nguồn lực và dành một phần thích đáng từ ngân sách hàng năm để phát triển hệ thống giao thông địa phương.

- Có giải pháp cụ thể chủ động bố trí quỹ đất tái định cư, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng để sớm bàn giao cho nhà thầu triển khai thực hiện dự án đảm bảo tiến độ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG VẬN TẢI QUAN TRỌNG THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 638/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	TMĐT dự kiến (tỷ đồng)
I	**TỈNH AN GIANG**	**4.344**
1	Nâng cấp đường ĐT 956	360
2	Nâng cấp đường ĐT 952	760
3	Nâng cấp đường ĐT 954	927
4	Nâng cấp đường ĐT 942	280
5	Xây dựng cảng Tân Châu	97
6	Xây dựng cầu Tân An	486
7	Nâng cấp đường ĐT 957	789
8	Nâng cấp đường ĐT 955A (đường vành đai biên giới)	230
9	Cải tạo sông Bình Di, tiêu chuẩn sông cấp 3	55
10	Cải tạo sông Châu Đốc, tiêu chuẩn sông cấp 2	130
11	Cải tạo kênh Vĩnh Tế, tiêu chuẩn kênh cấp 3	230
II	**TỈNH LONG AN**	**11.670**
1	Nâng cấp đường ĐT 837	170
2	Nâng cấp đường ĐT 831	654
3	Nâng cấp đường ĐT 829	40
4	Xây dựng đường Cần Đước - Chợ Gạo	1.900
5	Xây dựng đường Tân Tập - Long Hậu	4.000
6	Xây dựng đường HL.12 kết nối quận 7 và Cần Giuộc	400
7	Cải tạo kênh Trà Cú nối kênh Dương Văn Dương (Vàm Cỏ Tây) qua Vàm Cỏ Đông tiêu chuẩn kênh cấp III	18

STT	Tên dự án	TMĐT dự kiến (tỷ đồng)
8	Nâng cấp đường ĐT 838 nối quốc lộ 1A - cửa khẩu Mộc Bài	121
9	Xây dựng tuyến nối tuyến N1 - quốc lộ 62 - Tân Hưng - Hưng Điền (biên giới Cam-pu-chi-a)	2.000
10	Xây dựng tuyến Thủ Thừa - Bình Thành - Hòa Khánh (nối tuyến N1 - tuyến N2 - quốc lộ 1A)	1.352
11	Nâng cấp đường Bến Lức - Tân Lập (nối quốc lộ 1A với cảng Long An)	995
12	Cải tạo tuyến kênh Bắc Đông - Rạch Chanh (nối kênh Thủ Thừa - Chợ Đệm) đạt tiêu chuẩn kênh cấp III	20
III	**TỈNH TIỀN GIANG**	**4.317**
1	Nâng cấp đường ĐT 878 vào khu công nghiệp Đông Nam Tân Phước	1.000
2	Nâng cấp đường ĐT 871B vào Khu kinh tế phía Đông khu công nghiệp Soài Rạp	830
3	Nâng cấp đường ĐT 877C (song hành với quốc lộ 50) nối từ nút giao Thân Cửu Nghĩa của đường nhánh cao tốc đến khu kinh tế phía Đông	1.400
4	Xây dựng đường liên tỉnh Long An - Tiền Giang - Đồng Tháp	1.087
IV	**TỈNH BẠC LIÊU**	**3.877**
1	Xây dựng tuyến đường Hộ Phòng - Gành Hào (ĐT 981B)	760
2	Xây dựng Cầu Bạc Liêu 4 và tuyến đường từ cầu Bạc Liêu 4 đến đê Biển Đông	670
3	Xây dựng tuyến đường Cao Văn Lầu (thị xã Bạc Liêu)	470
4	Xây dựng tuyến đường bờ Tây kênh Láng Trâm (ĐT 982B)	142
5	Xây dựng Cầu Xóm Lung và tuyến đường Xóm Lung - Cái Cùng (ĐT 979B)	611
6	Xây dựng cầu Hiệp Thành (thị xã Bạc Liêu)	120

STT	Tên dự án	TMĐT dự kiến (tỷ đồng)
7	Xây dựng đường từ cầu Bạc Liêu 2 đến đê Biển Bạc Liêu (ĐH.37)	71
8	Xây dựng đường vành đai ngoài - thị xã Bạc Liêu	1.033
V	**TỈNH CÀ MAU**	**3.639**
1	Nâng cấp mở rộng đường Tắc Thủ - Cơi Năm - Đá Bạc	450
2	Xây dựng đường vành đai Tây Nam, thành phố Cà Mau	1.100
3	Xây dựng đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào quốc lộ 1A	650
4	Xây dựng tuyến đường nối các tuyến quốc lộ qua nội thành thành phố Cà Mau	700
5	Xây dựng cầu Rạch Sao	42
6	Xây dựng mới cảng Ông Đốc tại thị trấn Sông Đốc	470
7	Xây dựng đường vào Trung tâm xã An Xuyên (thành phố Cà Mau)	66
8	Xây dựng đường vào Trung tâm xã Tân Thành (thành phố Cà Mau)	45
9	Xây dựng đường vào Trung tâm xã Khánh Thuận (huyện U Minh)	65
10	Xây dựng đường vào Trung tâm xã Tân Ân (huyện Ngọc Hiển)	51
VI	**TỈNH ĐỒNG THÁP**	**7.504**
1	Nâng cấp đường ĐT 843	1.176
2	Xây dựng và nâng cấp đường ĐT 845	450
3	Nâng cấp đường ĐT 846	128
4	Xây dựng đường ĐT 847	560
5	Xây dựng đường ĐT 848	341
6	Nâng cấp đường ĐT 849	120
7	Xây dựng đường ĐT 952B	2.250
8	Nâng cấp đường ĐT 955	279
9	Xây dựng đường ven sông Tiền	2.200
VII	**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**24.635**
1	Nâng cấp quốc lộ 91 đoạn Km0 - Km7	1.400

STT	Tên dự án	TMĐT dự kiến (tỷ đồng)
2	Mở rộng đường Quang Trung - Cái Cui	887
3	Xây dựng và nâng cấp đường ĐT 922 giai đoạn I	2.195
4	Xây dựng tuyến nối quốc lộ 91 với đường Nam Sông Hậu	15.074
5	Xây dựng cầu chữ Y nối liền cồn Cái Khế - cồn Âu - Xóm Lung	1.800
6	Xây dựng cầu qua cù lao Tân Lộc	694
7	Xây dựng cầu Trần Hoàng Na	252
8	Xây dựng cầu Xóm Chài	342
9	Xây dựng đường ĐT 917 (tuyến Trà Nóc - Thới An Đông - Lộ Đức)	351
10	Xây dựng đường ĐT 918	675
11	Xây dựng đường ĐT 923	550
12	Xây dựng đường đến Trung tâm xã Trường Thắng - huyện Thới Lai	157
13	Xây dựng đường đến Trung tâm xã Tân Thạnh - huyện Thới Lai	190
14	Xây dựng đường đến Trung tâm phường Tân Lộc - quận Thốt Nốt	26
15	Xây dựng đường đến Trung tâm xã Giai Xuân - huyện Phong Điền	42
VIII	**TỈNH VĨNH LONG**	**1.896**
1	Nâng cấp đường ĐT 902 từ thành phố Vĩnh Long đi huyện Vũng Liêm	270
2	Nâng cấp đường ĐT 903 từ quốc lộ 53 đi huyện Mang Thít	110
3	Nâng cấp đường ĐT 905 từ quốc lộ 1A đi huyện Tam Bình	52
4	Nâng cấp đường ĐT 908 từ quốc lộ 1A đi huyện Bình Tân	220
5	Xây dựng đường từ tuyến công nghiệp Cổ Chiên nối quốc lộ 53 đến Khu công nghiệp Hòa Phú	788
6	Xây dựng đường vành đai thành phố Vĩnh Long	186
7	Xây dựng cầu Quới An trên đường ĐT 902 nối liền Vũng Liêm, Mang Thít với thành phố Vĩnh Long	270

STT	Tên dự án	TMĐT dự kiến (tỷ đồng)
IX	**TỈNH TRÀ VINH**	**3.536**
1	Xây dựng Cầu Ấp Chợ (Hiệp Mỹ Đông) trên Hương lộ 35	15
2	Xây dựng đường liên xã Nhị Long - Nhị Long Phú	23
3	Xây dựng các cầu trên tuyến trung tâm xã Long Hòa - Hòa Minh	10
4	Xây dựng các cầu trên tuyến trung tâm xã Tân Hiệp, Long Hiệp, Ngọc Biên	33
5	Nâng cấp tuyến Hương lộ 18 thuộc huyện Cầu Ngang	8
6	Nâng cấp tuyến Hương lộ 7 thuộc huyện Càng Long	18
7	Xây dựng đường liên xã An Trường - An Trường A	48
8	Xây dựng đường liên xã Tân An - Hiếu Trung	43
9	Xây dựng các tuyến đường GTNT thuộc địa bàn huyện Cầu Kè và huyện Duyên Hải	15
10	Xây dựng đường GTNT nối xã Tân Hùng, xã Ngãi Hùng, Huyện Tiểu Cần	21
11	Xây dựng cầu Ba Động trên đường ĐT 913	27
12	Xây dựng đường ĐT 915B	436
13	Xây dựng cầu Đức Mỹ, huyện Càng Long	20
14	Xây dựng các cầu Kênh Sáng, Ấp 3, Bà Ai và Bến Lộ trên Hương lộ 51	35
15	Xây dựng cầu Cá Lóc, huyện Trà Cú	20
16	Xây dựng 700Km đường GTNT trên địa bàn tỉnh	1.600
17	Nâng cấp cải tạo đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh	1.164
X	**TỈNH SÓC TRĂNG**	**5.715**
1	Nâng cấp đường ĐT 937 (nối QL1A với Quản Lộ - Phụng Hiệp)	420
2	Xây dựng mới đường ĐT 934B	854
3	Nâng cấp đường ĐT 932	409

STT	Tên dự án	TMĐT dự kiến (tỷ đồng)
4	Nâng cấp đường ĐT 933B	399
5	Nâng cấp đường ĐT 936B	349
6	Nâng cấp đường ĐT 939	340
7	Xây dựng mới cầu Chàng Ré	84
8	Xây dựng mới cầu Chợ Kinh	132
9	Xây dựng mới cầu Dù Tho	134
10	Xây dựng cảng Đại Ngãi	458
11	Xây dựng cảng song thành phố Sóc Trăng	150
12	Xây dựng tuyến đường Vành đai II, thành phố Sóc Trăng	1.986
XI	**TỈNH BẾN TRE**	**6.883**
1	Xây dựng đường từ cảng Giao Long đến đường Nguyễn Thị Định	662
2	Xây dựng đường ôtô đến trung tâm xã Thừa Đức, huyện Bình Đại	167
3	Xây dựng cầu Hoàng Lam, thành phố Bến Tre	329
4	Xây dựng 10 cầu trên đường ĐT 883	763
5	Xây dựng đường liên huyện Thạnh Phú - Mỏ Cày Nam dọc sông Cổ Chiên	820
6	Xây dựng đường lánh nạn, tránh bão tại 4 huyện: Thạnh Phú, Bình Đại, Ba Tri, Rồng Trôm	1.396
7	Nâng cấp cảng Giao Long	300
8	Xây dựng tuyến tránh thị trấn Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc	65
9	Xây dựng đường ĐH 173 đoạn ngã tư Tuần Đậu đến ngã tư Mỹ Hòa và đường ĐT 10 từ ngã tư Mỹ Hòa đến tượng đài Tiểu đoàn 516	714
10	Nâng cấp đường ĐT 884 từ ngã tư Tân Thành đến Khu công nghiệp An Hiệp	215

STT	Tên dự án	TMĐT dự kiến (tỷ đồng)
11	Xây dựng đường từ quốc lộ 60 đến ngã tư Tú Điền, thành phố Bến Tre	197
12	Xây dựng cầu Bến Tre 3, thành phố Bến Tre	800
13	Xây dựng 5 cầu trên đường ĐT 887	200
14	Xây dựng 5 cầu trên đường ĐT 884	155
15	Nâng cấp đường Nguyễn Thị Định, thành phố Bến Tre	100
XII	**TỈNH KIÊN GIANG**	**14.096**
1	Xây dựng đường T3 nối từ quốc lộ 80 đến tuyến N1	700
2	Xây dựng đường ĐT 963 kéo dài	2.850
3	Xây dựng đường Bến Nhứt - Giồng Riềng - Thạnh Phước	150
4	Nâng cấp cảng Rạch Giá	200
5	Xây dựng cảng biển Dương Đông	540
6	Xây dựng cảng Mũi Đất Đỏ	300
7	Xây dựng đường từ quốc lộ 80 - Thổ Sơn - Lình Huỳnh	190
8	Xây dựng đường kênh Nông Trường	280
9	Xây dựng đường ĐT 964	560
10	Xây dựng đường kênh Đòn Dong	210
11	Xây dựng đường kênh Trâm Bầu	120
12	Xây dựng đường kênh Thầy Thép	90
13	Xây dựng đường U Minh Thượng	420
14	Xây dựng đường Kênh xáng Hà Tiên	140
15	Xây dựng đường T5 - Tuần Thống	210
16	Xây dựng đường Vĩnh Bình Nam - Vĩnh Bình Bắc	150
17	Xây dựng đường cặp sông Cái lớn	310
18	Xây dựng đường cặp sông Cái bé	250
19	Xây dựng kè chống sạt lở đường Thứ Bảy - Cán Gáo	110

STT	Tên dự án	TMĐT dự kiến (tỷ đồng)
20	Xây dựng kè chống sạt lở đường Bạch Đằng	20
21	Xây dựng kè chống sạt lở đường Ngô Quyền	25
22	Xây dựng đường trục Bắc Nam đảo Phú Quốc	2.468
23	Xây dựng đường vòng quanh đảo Phú Quốc	2.860
24	Xây dựng cảng Đông Dương	643
25	Xây dựng các tuyến nhánh trên đảo Phú Quốc	300
XIII	**TỈNH HẬU GIANG**	**3.400**
1	Nâng cấp đường ĐT 930, huyện Long Mỹ	450
2	Nâng cấp đường ĐT 931, huyện Long Mỹ	200
3	Nâng cấp đường ĐT 931B, huyện Long Mỹ	200
4	Xây dựng mới đường Tây Sông Hậu, thành phố Vị Thanh	700
5	Xây dựng mới đường Nguyễn Huệ, thành phố Vị Thanh	500
6	Xây dựng mới đường 1 tháng 5, thành phố Vị Thanh	400
7	Xây dựng mới đường Tân Phước Hưng (cầu qua kênh Quản Lộ) huyện Phụng Hiệp	200
8	Xây dựng mới cầu Xẻo Vẹt, huyện Long Mỹ	150
9	Xây dựng cầu 19 tháng 8, thành phố Vị Thanh	300
10	Xây dựng mới cầu Tây Sông Hậu, thành phố Vị Thanh	300